

Tên người nộp thuế (doanh nghiệp xuất khẩu):

Mẫu số 14

Mã số thuế:

Địa chỉ:

BẢNG KÊ
TỶ LỆ GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN CỘNG CHI PHÍ NĂNG LƯỢNG
TRONG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CỦA HÀNG HÓA XUẤT KHẨU
(Kèm theo tờ khai xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm...)

STT	Tên hàng hóa xuất khẩu	Mã số HS	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá tài nguyên khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm (đơn vị tiền)	Giá thành sản phẩm (đơn vị tiền)	Tỷ lệ trị giá tài nguyên khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm (%)	Căn cứ xác định			Chi tiết hóa đơn đầu vào	Tên doanh nghiệp sản xuất /Mã số thuế/ Địa chỉ	Ghi chú
								Quyết toán năm trước	Phương án đầu tư	Dựa theo thực tế			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn kê khai:

- Có thể kê khai nhiều mặt hàng trong cùng bảng kê.
- Cột (6), (7), (8), (9), (10), (11): Lấy thông tin từ nhà sản xuất.

- Cột (9), (10), (11): Người khai đánh dấu vào một trong các cột (9), (10), (11) để thể hiện căn cứ xác định tỷ lệ trị giá tài nguyên khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

- Cột (12), (13): Trường hợp người nộp thuế mua hàng từ doanh nghiệp sản xuất hoặc mua hàng từ doanh nghiệp thương mại khác: kê khai số, ngày tháng năm của hóa đơn mua vào, khai tên, mã số thuế, địa chỉ doanh nghiệp bán hàng tại cột số (12); kê khai tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ của doanh nghiệp sản xuất tại cột số (13); trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu là doanh nghiệp sản xuất mặt hàng xuất khẩu thì không phải khai 02 cột này.

- Cột (14): Trường hợp tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm đã được cơ quan thuế kiểm tra, xác nhận đối với mặt hàng khai báo thì điền thông tin vào cột này.

Nguồn: Nghị định 26/2023/NĐ-CP

